

Bản án số: 150/2023/DS-PT

Ngày 12 tháng 9 năm 2023

V/v: *Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2023/TLPT-DS ngày 15/8/2023 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DSST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2023/QĐ-PT ngày 18/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **A**, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà A1, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **B**, sinh năm 1952 và bà **B1**, sinh năm 1952 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà C, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu

- Chị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện theo pháp luật (người giám hộ) của chị D: Ông B và bà B1; cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B và chị D: Ông E, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (Cố mật).

4. *Người kháng cáo: Ông B và bà B1 là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn ông A và bà C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 300m² là của vợ chồng ông A và bà C nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông B và bà B1 vào năm 2017, lúc đó chuyển nhượng tổng diện tích 15.966,6m² đất nuôi trồng thủy sản với giá 377.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất có làm giấy tờ và hiện nay vợ chồng ông A bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/2017, tại thửa số 78, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu. Do lúc chuyển nhượng, ông B chưa tìm được chỗ ở mới nên ông B có hỏi ông A cho ở nhờ phần đất (trên phần đất này đã có sẵn căn nhà tình nghĩa để ở, do căn nhà xuống cấp nên ông không mua lại xác nhà). Ông B cùng với ông A đến nhờ Ttrưởng ấp là ông G chứng kiến việc mượn đất ở nhờ và nhờ ông G đánh máy dùm giấy mượn đất, ký xác nhận làm chứng việc ông A cho ông B mượn đất để ở thời hạn bốn năm, từ ngày 01/3/2017. Hết thời hạn mượn đất nhưng vợ chồng ông B vẫn không chịu chuyển đi trả đất cho ông A, nên ông A yêu cầu buộc vợ chồng ông B phải có nghĩa vụ dỡ nhà trả lại 300m² đất tại thửa số 78, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông B và bà B1 trình bày: Vào năm 2017 ông B và bà B1 có chuyển nhượng đất cho ông A một thửa đất nuôi trồng thủy sản có tổng diện tích 15.966,6m² với giá 377.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất hai bên có làm giấy tờ, ông B và bà B1 đã nhận đủ tiền cũng đã bàn giao đất cho ông A. Do chuyển nhượng nguyên thửa đất nên khi chuyển nhượng hai bên chỉ ranh đất cho nhau chứ không tiến hành đo đạc thực tế và ông A, bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế 300 m² là đất thổ cư, ngoài thửa đất nuôi trồng thủy sản mà ông bà đã chuyển nhượng cho ông A, là phần đất vợ chồng ông B và bà B1 đã được hỗ trợ cất nhà tình nghĩa để ở; giấy mượn đất ông B có ký tên, nhưng do ông A đưa thì ký, ông B và bà B1 không mượn đất của ông A nên không đồng ý trả diện tích đất theo đo đạc thực tế 300m² đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu cho ông A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông A về việc yêu cầu vợ chồng ông B và bà B1 phải có nghĩa vụ dỡ nhà trả phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 300m² đất tại thửa số 78, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông B và bà B1 có trách nhiệm trả giá trị phần diện tích đất 300m² với số tiền là 300.000.000 đồng cho ông A

Ông B và bà B1 được quyền quản lý sử dụng đối với diện tích 300m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, tại một phần tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông A có số đo 6m;
- Hướng Tây giáp lộ xi măng 3 m có số đo 6m;
- Hướng Nam giáp đất ông A có số đo 50m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn Thường có số đo 50m;

Phần đất này ông B và bà B1 đang quản lý sử dụng nên tiếp tục được quản lý, sử dụng. Ông B và bà B1 có trách nhiệm trực tiếp liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, áp dụng lãi suất, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/6/2023 bị đơn ông B và bà B1 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B và chị D trình bày cho rằng: Sở địa chính thể hiện ông B có 300m² đất thổ cư, ông B có đóng thuế; tại thửa 78 tờ bản đồ số 03 hiện nay ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sẽ được cấp giấy theo quy định của Luật Đất đai. Năm 2017 ông B và bà B1 chuyển nhượng đất cũng không thỏa thuận chuyển nhượng nhà trên đất, trong khi thực tế đất là có nhà, là nhà tình nghĩa do nhà nước xây dựng. Như vậy, bản án sơ thẩm chưa giải quyết toàn diện vụ án; không đưa người có liên quan vào giải quyết vụ án là ông G1, (hộ giáp ranh đất) và Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp ông B và bà B1 đã chuyển nhượng cho ông A năm 2017, do lúc chuyển nhượng ông B chưa thể dời nhà đi, nên ông B ký giấy mượn đất ở thời hạn bốn năm, ông A có cung cấp giấy mượn đất, ông G lúc đó là Trưởng ấp ký chứng kiến. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cho rằng khi ký giấy này có nhiều khoảng trống, nên bị viết thêm vào là không có cơ sở, vì là giấy mượn đất được đánh máy. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông A buộc ông B và bà B1 có nghĩa vụ

trả giá trị đất bằng 300.000.000 đồng là có căn cứ. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà B1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý, đại diện Viện kiểm sát, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Diện tích đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/11/2021 và trích đo thửa đất có diện tích 300m², tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, vị trí:

- Hướng Đông giáp đất ông A có số đo 6m;
- Hướng Tây giáp lộ xi măng 3 m có số đo 6m;
- Hướng Nam giáp đất ông A có số đo 50m;
- Hướng Bắc giáp đất ông G1 có số đo 50m;

Hiện trạng trên đất tranh chấp có tài sản gồm: 01 căn nhà chính có chiều ngang 4m x chiều dài 12,3m cấu trúc xây dựng tường nguyên khối, nền lát gạch bông, mái lợp tol xi măng, hành lang phía trước có chiều ngang 4m, chiều dài 2m dựng cột xi măng, mái lợp tol xi măng, nền tráng xi măng; nhà phụ phía sau có chiều ngang 4,5m, chiều dài 2m, xây dựng cây gỗ địa phương vách lá, mái lợp lá, nền đất, do gia đình ông B và bà B1 quản lý, sử dụng.

Diện tích đất 300m² nêu trên cơ quan chuyên môn xác định thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông A, bà C được cấp ngày 24/4/2017.

Ngày 29/4/2022, Hội đồng định giá kết luận giá phần đất tranh chấp: 01m đất chiều ngang có giá thị trường là 50.000.000 đồng x 06m chiều ngang = 300.000.000 đồng.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng diện tích đất tranh chấp là đất thổ cư có nhà, không chuyển nhượng cho ông A và cũng không mượn đất ở nhờ thời hạn bốn năm. Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy cho mượn đất ở lập ngày 01/3/2017 ông B thừa nhận ký tên, có nội dung “...ông A sang đất của ông B, hiện nay ông A là chủ sở hữu phần đất, đồng ý cho ông B mượn đất ở nhờ thời gian bốn năm từ ngày 01/3/2017 đến ngày 01/3/2021...”, giấy có bản chính cung cấp tại phiên tòa.

Nhân chứng ông Trần Trường Hận, khai do lúc chuyển nhượng, ông B chưa tìm được chỗ ở mới nên ông B có hỏi ông A phần đất (trên phần đất này đã

có sẵn căn nhà tình nghĩa để ở), ông B cùng với ông A đến nhờ ông G lúc đó là Trưởng ấp đánh máy hộ giấy mượn đất ở và ký chứng kiến việc mượn đất ở, nên ông G đánh máy dùm giấy mượn đất và ký xác nhận làm chứng việc ông A cho ông B mượn đất để ở thời hạn bốn năm, từ ngày 01/3/2017.

Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế 300m², là đất nuôi trồng thủy sản cơ quan chuyên môn xác định thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông A, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/4/2017. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông A đòi vợ chồng ông B và bà B1 trả phần diện tích đất 300m² và buộc ông B và bà B1 trả giá trị đất bằng 300.000.000 đồng là có căn cứ; ông G1, (hộ giáp ranh đất) và Ủy ban nhân dân huyện O không liên quan đến vụ án, nên cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông B và bà B1, mà giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên án có thiếu sót: Tuyên trả tiền 300.000.000 đồng thiếu trả cho bà C, thiếu phần kiến nghị, thu hồi diện tích 300m² đất tại một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A, bà C cấp ngày 24/4/2017, cấp lại cho ông Cừu và bà B1, nên cấp phúc thẩm tuyên bổ sung để đảm bảo thi hành án.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm ông B và bà B1 không phải nộp, do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà B1; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông A về việc yêu cầu vợ chồng ông B và bà B1 phải có nghĩa vụ dỡ nhà trả phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 300m² đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông B và bà B1 có trách nhiệm trả giá trị phần diện tích đất 300m² cho ông A và bà C với số tiền là 300.000.000 đồng, (ba trăm triệu đồng).

2. Công nhận cho ông B và bà B1 được quyền quản lý sử dụng đối với diện tích 300m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà C thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông A có số đo 6m;
- Hướng Tây giáp lộ xi măng 3 m có số đo 6m;
- Hướng Nam giáp đất ông A có số đo 50m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Cao Văn Thường có số đo 50m;

Phần đất này ông B và bà B1 đang quản lý sử dụng nên tiếp tục được quản lý, sử dụng

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu, thu hồi diện tích 300m² đất tại một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông A bà C ngày 24/4/2017 nêu trên.

Ông B và bà B1 có trách nhiệm trực tiếp liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo đúng quy định.

4. Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản buộc ông B và bà B1 phải chịu 3.604.000 đồng. Ông A đã dự nộp tạm ứng 3.604.000 đồng, nên buộc ông B và bà B1 hoàn trả cho ông A 3.604.000 đồng, (ba triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, buộc ông B và bà B1 phải nộp 300.000 đồng, (ba trăm nghìn đồng). Ông A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002526 ngày 14 tháng 04 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông B và bà B1 không phải nộp, do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCCTPHCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện O;
- Chi Cục THADS huyện O;
- Dương sự;
- Trợ giúp viên PL;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP;

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xir:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông A về việc yêu cầu vợ chồng ông B và bà B1 phải có nghĩa vụ dỡ nhà trả phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 300m² đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O.

- Buộc ông B và bà B1 có trách nhiệm trả giá trị phần diện tích đất lấn chiếm là 300m² với số tiền là 300.000.000 đồng ông A

2/ Ông B và bà B1 được quyền quản lý sử dụng đối với diện tích 300m² đất nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông A một phần tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 03 đất tọa lạc tại ấp P, xã Q, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Đất có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp với phần đất của ông A có số đo 6m;
- Hướng Tây giáp với với lộ xi mang 3 m có số đo có số đo 6m;
- Hướng Nam giáp đất của ông A có số đo 50m;
- Hướng Bắc giáp đất của ông Cao V8an Thường có số đo 50m;

Phần đất này ông B và bà B1 đang quản lý sử dụng nên tiếp tục được quản lý, sử dụng

Ông B và bà B1 có trách nhiệm trực tiếp liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất nêu trên.

3. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tranh chấp ông B và bà B1 phải chịu 3.604.000 đồng. Ông A đã dự nộp tạm ứng 3.604.000 đồng được nhận lại từ số tiền mà ông B và bà B1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, ông B và bà B1 phải chịu 300.000 đồng. Ông A đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0002526 ngày 14 tháng 04 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện O được hoàn lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho*

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu,
- VKSND huyện O.
- Chi cục THA dân sự huyện O
- Các đương sự.
- Lưu

Lê Thị Nam